TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 24 - 01 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Văn Vân

2- Ông Thái Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Thu - Kiểm sát viên;

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 668/2023/TLST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Trần Nhật T, sinh năm 2002; địa chỉ: Số E đường Đ, tổ A, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1984; địa chỉ: địa chỉ: Tổ A, khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Tường V, sinh năm 1999; địa chỉ: Số E đường Đ, tổ A, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Anh T, chị V vắng mặt tại Tòa có đơn xin vắng mặt, ông K vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

*** Theo nguyên đơn anh Trần Nhật T trình bày:**

Ngày 08-4-2023, anh T và ông Nguyễn Tuấn K có thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ với các nội dung sau:

- Ông K nhận làm hợp đồng dịch vụ hồ sơ, thực hiện thủ tục tách thửa và chuyển mục đích đất sử dụng từ đất cây lâu năm lên thành đất ở cho 06 thửa đất gồm: Thửa 529, 530, 531, 532, 533 và 534 thuộc tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Thỏa thuận chi phí là 180.000.000 (mọt trăm tám chục triệu) đồng. Số tiền này anh T và chị V đã thanh toán xong cho ông K vào ngày 08-4-2023, có làm biên nhận tiền, ông K có ký nhận. Các bên cam kết thời gian thực hiện hợp đồng đến ngày 08-6-2023 là xong, nếu vi phạm sẽ trả lại toàn bộ số tiền trên và phải bồi thường thêm số tiền là 30.000.000 (ba chục triệu) đồng. Ông K không thực hiện công việc thỏa thuận nêu trên, có ý lẩn tránh không nghe điện thoại để giải quyết vấn đề, không gặp mặt.

Anh T khởi kiện yêu cầu ông K trả lại số tiền làm dịch vụ là 180.000.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền phạt. Tổng số tiền anh T yêu cầu ông K trả là 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng.

*** Theo bị đơn ông Nguyễn Tuấn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và vắng mặt tại phiên Toà không lý do, không có lời trình bày.**

Do ông K vắng mặt không lý do nên Tòa tiến hành các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa theo quy định, không có lời khai của ông và tiến hành các thủ tục theo tố tụng.

*** Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Tường V trình bày:**

Chị V là chị ruột của anh Trần Nhật T có nhờ ông K làm thủ tục tách thửa đất và lên đất ở, trong 6 thửa đất trên thì của chị V có 03 thửa, số tiền giao cho ông K nêu trên là tiền chung của hai chị em. Chị thống nhất như lời trình bày của anh T và yêu cầu ông K trả tổng số tiền là 210.000.000 đồng và đồng ý để ông K giao trả số tiền trên cho anh T.

Tại Toà vị Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng có căn cứ theo quy định của pháp luật về việc tống đạt cho các đương sự cũng như xác định tư cách tham gia tố tụng và trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ theo Điều 116, 117, 278, 418, 513, 514, 515, 518, 519 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Nhật T về việc yêu cầu ông Nguyễn Tuấn K trả cho anh T số tiền 230.000.000 đồng theo quy định pháp luật.

- Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông K vắng mặt không lý do. Tòa án tống đạt, các văn bản tố tụng và đã được triệu tập hợp lệ hai lần cho ông K theo quy định nhưng ông vắng mặt. Anh T, chị V vắng mặt có đơn xin vắng. Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị V và ông K theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Anh T khởi kiện yêu cầu ông K trả lại số tiền làm dịch vụ là 180.000.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền phạt. Tổng số tiền anh T yêu cầu ông K trả là 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ của anh Trần Nhật T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo các chứng cứ anh T, chị V cung cấp cho Toà thể hiện, anh T và ông K có ký kết hợp đồng dịch vụ và thoả thuận như anh T trình bày, đến nay ông K chưa hoàng thành công việc theo thoả thuận, anh T khởi kiện yêu cầu ông K trả lại số tiền đã giao cho ông và số tiền phạt để thực hiện theo nội dung ghi trong hợp đồng là có căn cứ vì: Có biên nhận ông K nhận số tiền 180.000.000 đồng để thực hiện công việc thoả thuận theo nội dung hợp đồng đã ký. Toà án đã tống đạt các văn bản, thông báo thụ lý vụ án cho ông K, mẹ ông K trực tiếp nhận các văn bản và là người ở chung nhà với ông K xác nhận đã giao toàn bộ các văn bản của Toà cho ông K và ông K biết việc Toà án đã thụ lý vụ án trên và đã giao các văn bản mời ông K lên Toà án làm việc nhưng ông K không đến toà là cố tình trốn trách trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ cho anh T. Theo hồ sơ thể hiện ông K nhận tiền nhưng chưa thực hiện công việc giao kết, đến nay đã quá thời hạn thực hiện, ông K cố tình né tránh không liên lạc với anh T, không giải quyết hậu quả của việc không thực hiện theo hợp đồng nên anh T yêu cầu trả số tiền đã giao cho ông

K là 180.000.000 đồng và số tiền phạt hợp đồng là 30.000.000 đồng là phù hợp cần chấp nhận

[3] Tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí:

- Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T nên ông K phải chịu án phí theo quy định. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 116, 468, 513 và 517 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ của anh Trần Nhật T đối với ông Nguyễn Tuấn K.

Buộc ông Nguyễn Tuấn K có trách nhiệm trả lại số tiền 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng cho anh Trần Nhật T. Ghi nhận anh T không yêu cầu tính lãi.

Ghi nhận chị V đồng ý giao số tiền ông Khanh phải trả trên cho anh T trực tiếp nhận và xử lý.

Kể từ ngày người được thi hành án là anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông K không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông K còn phải trả cho anh T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Tuấn K phải chịu án phí sơ thẩm dân sự là 10.500.000 (mười triệu năm trăm ngàn) đồng.

Anh Trần Nhật T không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 5.250.000 (năm triệu hai trăm năm chục ngàn) đồng tại biên lại thu số 0019181 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh T được nhận lại số tiền trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai, các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cái Thị Minh Tâm

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- THA Dân sự H.Châu Thành
- Tòa án tỉnh
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.